

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 175/2020/DS-PT

Ngày: 17/6/2020

V/v: “Đòi đất cho ở nhờ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử Ph thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Tô Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử Ph thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc “Đòi đất cho ở nhờ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2017/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Ph thẩm số 1031/2020/QĐ - PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị S: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: 113 Cartwright Ave Sadleir 2168 NSW Australia

Tạm trú: 808 Tân Kỳ Tân Quý, p. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lâm Thị Thu Ph (có mặt)

Địa chỉ: 148 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Tp Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N:

1/ Bà Bùi Thị Xuân L, sinh năm 1969 (có mặt)

2/ Ông Bùi Trọng Ph, sinh năm 1971 (có mặt)

3/ Ông Bùi Thế L1, sinh năm 1973 (có mặt)

4/ Ông Bùi Trường Th, sinh năm 1977 (có mặt)

5/ Ông Bùi Thái S, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 806 Tân Kỳ Tân Quý, p. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngô Tường B (có mặt)

Địa chỉ: 170/13 Vườn Lài, phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp. HCM

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hồ Nguyên L - Công ty Luật Tín Nghĩa (có mặt)

Địa chỉ: 384/8B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: 600 Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh

2/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: 113 Cartwright Ave Sadleir 2168 NSW Australia

Tạm trú: 808 Tân Kỳ Tân Quý, p. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.

3/ Ông Đoàn Quốc B, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Tạm trú: 808 Tân Kỳ Tân Quý, p. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật bà K, ông B: Ông Hồ Minh Th1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: 8/21 đường 6, kp 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 16/6 đường số 6, Kp 6, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp HCM.

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 16/6 đường số 6, Kp 6, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp HCM.

6/ Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

7/ Ông Nguyễn Văn Út, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 8/21 đường 6, kp 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3, sinh năm 1971(có mặt)

Địa chỉ: 16/6 đường số 6, Kp 6, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp HCM.

8/ Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12/16/14 Kp.6, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM.

9/ Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 224/4 Kp 2, phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

10/ Ông Nguyễn Văn Th4, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12/16/10 đường số 6, p. Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp HCM.

11/ Ông Nguyễn Văn Th5, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 7/49/3/1 Liên khu 4-5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp HCM.

12/ Ông Đoàn Quang R, sinh năm 1934 (vắng mặt)

Địa chỉ: 705 Kp 4, phường Bình Hòa A, Quận Bình Tân, Tp. HCM

13/ Bà Hoàng Thị Bì, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: 823 Kp4, phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Tp HCM.

Người kháng cáo: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị C là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị S do ông Hồ Minh Th1 đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất có diện tích hơn 1.060m² tọa lạc tại số 808 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân (trước đây thuộc huyện Bình Chánh) Tp.HCM là của gia đình cha mẹ bà là ông Lê Văn Nh (chết 1954), bà Huỳnh Thị S (sinh năm

1918, chết 2014) sử dụng từ trước năm 1975 do ông nội bà là ông Nguyễn Văn Nh1 để lại.

Cha mẹ bà có các người con gồm:

Nguyễn Thị L (sinh năm 1943, chết năm 2002), chồng Nguyễn Văn Thon, các con là: Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Ngọc Thuận, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Th4, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Út, Nguyễn Văn B1.

Nguyễn Thị K (sinh năm 1946)

Nguyễn Thị Bì (sinh năm 1949, hy sinh năm 1976) không chồng con.

Nguyễn Thị C (sinh năm 1953)

Quá trình sử dụng gia đình bà có đăng ký, đóng thuế theo quy định pháp luật, bà Huỳnh Thị S được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2065/UBND ngày 18/12/1997 diện tích 1060m².

Vào năm 1979 do là người quen cùng xóm bà Sáu có cho gia đình bà Bùi Thị N vào ở nhờ một phần nhà nhỏ diện tích 4m x 8m, nhưng sau đó bà Năm cất lần dần đến nay đo đạc là 428,40m², vụ việc phát sinh tranh chấp kéo dài đến năm 2003 thì bà Sáu làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Tp.HCM yêu cầu bà Năm tháo dỡ nhà trả lại toàn bộ phần đất diện tích 428,40m² nêu trên.

Vào năm 2001 bà Sáu có hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 401m² trong phần diện tích 1.060m² đã được cấp giấy chứng nhận, cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Châu Ngọc H, sau khi chuyển nhượng để điều chỉnh biên động diện tích chuyển nhượng Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2065/UBND ngày 18/12/1997 của bà Huỳnh Thị S.

Ngày 20/7/2012 Tòa án nhân dân Tp.HCM ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1035/2012/QĐST-DS giữa bà Sáu và bà N với lý do: Đất tranh chấp 428,40m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Sáu đã bị thu hồi giấy chứng nhận nên vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngày 04/01/2013 Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Tp.HCM Ph thẩm lại vụ án và ban hành Quyết định số 63/2013/QĐPT-DS có nội dung: Hủy Quyết định số 1035/2012/QĐST-DS ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân Tp.HCM với nhận định: Việc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (nay là Q.Bình Tân) ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận của bà S là trái quy định pháp luật, giao hồ sơ vụ án dân sự về Tòa án nhân dân Tp.HCM giải quyết vụ án theo luật định.

Vào năm 2001 bà Sáu có lập di chúc cho con là bà Nguyễn Thị C toàn bộ nhà đất của bà theo giấy chứng nhận được cấp, đến năm 2014 bà S chết.

Nay bà C với tư cách người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Sáu yêu cầu bà Năm và gia đình phải trả lại diện tích đất 428,40m² cho bà.

Theo đơn và các văn bản, lời khai của phía bị đơn bà Bùi Thị L, ông Bùi Trọng Ph, ông Bùi Thế L1, ông Bùi Trường Th, ông Bùi Thái S là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Bùi Thị N trình bày:

Khoảng năm 1979, 1980 mẹ của các ông bà là bà Bùi Thị N có mua của vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Đoàn Bảo Qu diện tích đất trên với giá 5 chỉ vàng, không có làm giấy tờ gì mà chỉ hợp đồng miệng, số vàng đưa trả nhiều lần đến năm 1984 mới đủ, khi giao vàng cũng không có làm giấy tờ.

Năm 1996 hai bên có lập tờ phân ranh đất nội dung: Nay phân ranh đất cho bà Bùi Thị N ngang mặt đường 10,4m, sau 12,7m, dài 42,5m có chữ ký của bà Năm, bà Cuốn, có người chứng kiến ông Đoàn Quang R, bà Hoàng Thị B, ông Đoàn Công R.

Do đó phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu đòi đất của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị C, ông Đoàn Bảo Qu trình Bày: Phần diện tích đất tranh chấp trên không phải của vợ chồng ông bà mà nguồn gốc là của mẹ ông bà là bà Huỳnh Thị S, không hề có việc mua bán đất nào giữa vợ chồng ông bà và bà Bùi Thị N, gia đình bà Năm vào ở nhờ là do mẹ ông bà thấy bà Năm khó khăn, nhưng sau đó cứ lấn chiếm dần dần và phát sinh tranh chấp, nên vào năm 1996 bà Cuốn có nhờ cháu là Nguyễn Văn A viết đơn phân ranh mục đích là không cho bà Năm lấn đất tiếp, nhưng việc tranh chấp thì vẫn tiếp tục, bà S không hề đồng ý với tờ phân ranh và không có ký tên vì bà không biết chữ, nên khi có việc cắm ranh thì bà Sáu đã rất căng thẳng đứng ra ngăn cản và yêu cầu chính quyền giải quyết.

Ông Qu xác định vào năm 1986 ông có viết tờ đăng ký kê khai đất cho mẹ là bà Huỳnh Thị S, ông chỉ viết dùm vì bà S không biết chữ, đất trên là của bà Sáu chứ không phải của vợ chồng ông.

Ông Đoàn Quang R, bà Hoàng Thị B trình bày:

Ngày 09/01/1996 ông bà có ký tên vào đơn phân ranh với tư cách người làm chứng, được biết đất trên nguồn gốc của cha mẹ bà Sáu để lại cho bà, bà Sáu có cho bà Năm ở nhờ 1 phần nhưng sau đó lấn thêm, bà Cuốn con bà Sáu lập đơn tạm phân ranh để bà Năm không tiếp tục lấn đất nữa, bà Cuốn có yêu cầu các ông bà gồm Đoàn Quang R, Hoàng Thị B, Đoàn Văn R (nay đã chết) ký làm chứng, lúc làm giấy này ông bà xác nhận là không có mặt bà S.

Ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Ngọc Th3, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Văn Th4, ông Nguyễn Văn Thành, ông Nguyễn Văn Ú, ông Nguyễn Văn B1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1943, chết năm 2002) là con ruột bà Sáu.

Ông Thon là chồng bà Lá cùng các con thống nhất với yêu cầu của bà Cuốn.

Bà Nguyễn Thị K do ông Hồ Minh Th1 đại diện trình bày:

Thống nhất với yêu cầu của bà Cuốn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 84/2017/DSST ngày 23/01/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng các điều 26; 37; 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 100, 101 Luật Đất đai.

Áp dụng Pháp Lnh án phí, L phí Tòa án,

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/ Xác định diện tích đất 428,40m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 109908/ĐĐBĐ-VPTT ngày 15/12/2010 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị C là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị S.

3/ Bà Bùi Thị L, ông Bùi Trọng Ph, ông Bùi Thế L1, ông Bùi Trường Th, ông Bùi Thái S phải trả lại diện tích đất 428,40m² tọa lạc tại số 806 Kỳ Tân Quý, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, Tp.HCM theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 109908/ĐĐBĐ-VPTT ngày 15/12/2010 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cho bà Nguyễn Thị C, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Ghi nhận thỏa thuận của đương sự: Bà Cuốn giao cho bà Bùi Thị L, ông Bùi Trọng Ph, ông Bùi Thế L1, ông Bùi Trường Th, ông Bùi Thái S số tiền 200.000.000 đồng giá trị công trình và hỗ trợ.

5/ Việc giao nhà đất và giao tiền thực hiện cùng lúc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/2/2017, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Ph thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và giữ nguyên bản án số 84/2017/DS-ST ngày 23/01/2017 về việc Đòi đất cho ở nhờ của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự Ph thẩm.

Ngày 24/01/2017, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách người tham tố tụng.

[3] Về quan hệ tranh chấp: xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[4] Nội dung: Nguồn gốc đất có diện tích hơn 1.060m² tọa lạc tại số 808 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hòa Hưng, quận Bình Tân (trước đây thuộc huyện Bình Chánh) thành phố Hồ Chí Minh là của gia đình cha mẹ bà Cuôn là ông Lê Văn Nhùm (chết năm 1954) bà Huỳnh Thị S (chết năm 2014) sử dụng trước năm 1975 do ông nội Nguyễn Văn Nhiều để lại. Quá trình sử dụng gia đình bà có đăng ký, đóng thuế đầy đủ theo quy định nên vào năm 1997 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1979 bà Sáu có cho bà Bùi Thị N ở nhờ diện tích là 4m x 8m nhưng sau đó bà Năm cất lần dần đến nay đo đạc là 428,40m². Năm 2001 bà Sáu có hợp đồng chuyển nhượng 410m² trong phần diện tích 1.060m² cho ông Nguyễn Văn Huân và bà Châu Ngọc Hà, sau khi chuyển nhượng để điều chỉnh biến động diện tích chuyển nhượng Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2065/UBND ngày 18/12/1997 của bà Huỳnh Thị S. Nay bà C đại diện thừa kế của nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N (gọi tắt là bị đơn) trả lại diện tích đất 428,40m².

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: vào khoảng năm 1979, 1980 bà Năm đã mua của bà Nguyễn Thị C ông Đoàn Quốc Bảo diện tích đất trên với giá 5 chỉ vàng không làm giấy tờ. Số vàng đưa trả nhiều lần đến năm 1984 mới giao đủ. Năm 1996 hai bên có lập tờ phân ranh đất với nội dung: nay phân ranh đất cho bà Bùi Thị N ngang mặt đường 10,4m, sau 12,7m, dài 42,5m có chữ ký của bà Năm, bà Cuốn, có người chứng kiến là ông Đoàn Quang Rạng, bà Hoàng Thị B, ông Đoàn Công R. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: nguồn gốc đất tranh chấp do phía gia đình bà Huỳnh Thị S sử dụng trước năm 1975 và đã được cấp giấy chứng nhận số 2065/QSDĐ ngày 18/02/1997 mang tên Huỳnh Thị S. Căn cứ theo bản đồ hiện trạng vị trí số 109908/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và môi trường TP.HCM lập ngày 15/12/2010 với diện tích 1060m², vị trí trôn thửa 135 (643m²), 136 (417m²) thuộc tờ bản đồ số 14 bộ địa chính xã Bình Hưng Hòa, tài liệu 02/CT-UB.

Thứ hai, bà Huỳnh Thị N khai sử dụng đất từ năm 1979 – 1980 do mua của bà Nguyễn Thị C với giá 05 chỉ vàng nhưng không có chứng cứ chứng minh bà N đã trả 05 chỉ vàng cho bà C (con bà S) và cũng không được bà C thừa nhận là bán đất cho bà N.

Thứ ba, bà N đưa ra đơn phân ranh đất có chữ ký của bà S để chứng minh phía bà Sáu có bán đất, tuy nhiên theo kết luận của Viện Khoa học hình sự thì không đủ cơ sở để giám định chữ ký của bà Huỳnh Thị S trong đơn phân ranh đất ngày 09/01/1996. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà Sáu không biết chữ nên thường chỉ ký tên bằng dấu cộng (+). Theo lời khai của ông Đoàn Quang R và bà Hoàng Thị B là những người chứng kiến việc lập đơn phân ranh xác nhận tại thời điểm phân ranh không có mặt của bà S. Do đó, không có căn cứ để xác định phần đất mà bị đơn đang ở là mua của bà Sáu.

[5] Nhận định của Hội đồng xét xử: Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và giữ nguyên bản án số 84/2017/DS-ST ngày 23/01/2017 về việc “Đòi đất cho ở nhờ” của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự Ph thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm các ông bà: Bùi Thị Xuân L, Bùi Trọng Ph, Bùi Thế L1, Bùi Trường Th và Bùi Thái S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2017/DSST ngày 23/01/2017 về việc “Đòi đất cho ở nhờ” của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N gồm các ông bà: Bùi Thị Xuân L, Bùi Trọng Ph, Bùi Thế L1, Bùi Trường Th và Bùi Thái S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự Ph thẩm nhưng được khấu trừ theo các biên lai AA/2016/0033927 ngày 31/3/2017, AA/2016/0033928 ngày 31/3/2017, AA/2016/0033929 ngày 31/3/2017, AA/2016/0033930 ngày 31/3/2017, AA/2016/0033931 ngày 31/3/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Ph thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (19);
- Lưu (VP 07, HS 01) (DTTP 28)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PH THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên

